

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DS-PT

Ngày: 31-3-2023

“V/v Tranh chấp quyền
sở hữu tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Hằng và ông Nguyễn Trọng Đoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Lò Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2022/TLPT-DS ngày 18/11/2022 về việc “*Tranh chấp quyền sở hữu đối với tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐ-PT ngày 12/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2023/QĐ-PT ngày 06/02/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐ-PT ngày 03/3/2023 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Quàng Văn T, sinh năm 1968 và bà Tòng Thị K, sinh năm 1957; đều có địa chỉ: Bản P, xã T1, huyện Đ, tỉnh Điện Biên - Có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Lò Văn S, sinh năm 1959 và bà Lò Thị O, sinh năm 1962; đều có địa chỉ: Bản N, xã T1, huyện Đ, tỉnh Điện Biên - Có mặt

3. *Người kháng cáo:* Ông Lò Văn S là bị đơn trong vụ án (Có mặt).

4. *Người phiên dịch cho bà Lò Thị O:* Bà Trần Thị L; SN: 1963; địa chỉ: Phường N1, thành phố Đ1, tỉnh Điện Biên (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/11/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Tòng Thị K và ông Quàng Văn T trình bày:

Khoảng cuối tháng 7 năm 2021 gia đình ông bà K, T có đàn trâu 04 con mang đi thả ở khu rừng gần bản N2, xã H, huyện Đ, sau khi thả trâu được khoảng 10 ngày bà K lên xem trâu thì vẫn còn đủ cả đàn, khoảng hơn một tuần bà K đi xem trâu thì không thấy con trâu cái đang chữa mà gia đình bà mua của anh Lò Văn H1

(B) ở bản M, xã T1, huyện Đ với giá 23.000.000 đồng vào năm 2019, thời điểm mua con trâu khoảng 3,5 tuổi. Đặc điểm con trâu: Màu đen, có 2 vạch viền màu trắng dưới cổ và ngực, hai nốt chấm trắng ở hai bên má, từ lúc mua đến lúc bị mất gia đình chưa đánh dấu và cắt tai, gia đình nhờ anh em trong bản đi tìm, nhưng không thấy.

Sau này khi đi xem đàn bò của gia đình đang thả nuôi ở khu vực bãi H2 (thuộc địa phận xã T1), qua nhà ông Lò Văn S và bà Lò Thị O ở bản N, xã T1 nhìn thấy con trâu cái bị mất của gia đình đang ở trong chuồng nhà ông S. Bà K thấy trâu đã có con, trâu cái thì đã bị đánh dấu cắt một bên tai. Bà K hỏi ông S trâu cái này lấy ở đâu về, vợ chồng ông S bảo đây là trâu của họ bị mất tháng 7/2021, trâu ăn nương lúa của người dân trên bản N2, xã H, ông S đã bỏ tiền chuộc về. Bà K có nói với ông S đây chính là con trâu của gia đình bà bị mất vào cuối tháng 7 năm 2021 khi đang chăn thả trên bãi thả gần bản N2, xã H. Bà K có đòi lại trâu, nhưng vợ chồng ông S, bà O không trả. Bà K và ông T yêu cầu Tòa án buộc gia đình ông S, bà O phải trả lại mẹ con con trâu cho ông bà.

Tại văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án ngày 09/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lò Thị O và ông Lò Văn S trình bày:

Ngày 20/11/2015, bà Lò Thị O và ông Lò Văn S có mua của gia đình ông Lò Văn L vợ là Tòng Thị H3 ở bản C, xã T1, huyện Đ. Lúc mua con trâu cái được hơn 02 tuổi với giá tiền là 22.800.000 đồng. Sau khi mua về bà O đem thả ở trên rừng đến cuối tháng 7/2021 thì phát hiện trâu bị mất, gia đình đã đi tìm nhiều nơi nhưng không thấy. Đến tháng 9/2021 nhận được tin người Mông ở bản N2, xã H có bắt giữ một con trâu ăn nương lúa, đặc điểm trâu giống như con trâu bị mất, nên bà đã đến bản N2 để xem, đến nơi thì phát hiện đúng là con trâu của gia đình bà bị mất nên bà đã xin chuộc về. Khi bà đem trâu về thì có ông T và bà K đến nhà xem trâu, bà có hỏi bà K là con trâu của bà có đánh dấu ở tai không, bà K nói con trâu của bà K không đánh dấu ở tai. Đặc điểm trâu của gia đình bà là: Có lông màu đen, có 02 vạch viền màu trắng dưới cổ và ngực, hai nốt chấm trắng ở hai bên má, có đánh dấu cắt bên tai phải, dùng kéo cắt thành hình răng cưa dọc theo 02 bên tai, không nhớ đánh dấu bao nhiêu vết. Tính đến nay con trâu của gia đình bà được khoảng 09 tuổi, hiện nay mới đẻ được 01 con. Nay ông T, bà K yêu cầu gia đình bà trả lại con trâu cho gia đình ông T, bà K, gia đình bà không nhất trí, vì con trâu này là của gia đình bà.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/DS-ST ngày 14/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên Quyết định:

1. Về áp dụng pháp luật:

- Căn cứ Điều 158, 161, 164, 166 và Điều 169 của Bộ luật dân sự.
- Căn cứ Khoản 1 Điều 157; Khoản 1 Điều 158 của Bộ luật tố tụng Dân sự.
- Căn cứ Khoản 1 Điều 147/BLTTDS; Khoản 2 Điều 26; Điểm a Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

2. Tuyên xử:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Tòng Thị K và ông Quảng Văn T. Buộc gia đình ông Lò Văn S và bà Lò Thị O phải trả lại cho bà Tòng Thị K và ông Quảng Văn T 01 con trâu cái khoảng 6,5 tuổi, có đặc điểm (Màu đen, có 2 vạch viền màu trắng dưới cổ và ngực, hai nốt chấm trắng ở hai bên má) và 01 con nghé là con của con trâu tranh chấp mới đẻ ra, có màu lông đen, trâu cái, con nghé con đẻ vào khoảng cuối tháng 8 năm 2021.

2.2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Gia đình ông Lò Văn S và bà Lò Thị O phải trả lại cho bên nguyên đơn (ông T, bà K) là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bà Tòng Thị K và ông Quảng Văn T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên thì hàng tháng ông Lò Văn S và bà Lò Thị O còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2.3. Về án phí:

- Ông Lò Văn S và bà Lò Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí DSST.

- Nguyên đơn (ông Quảng Văn T, bà Tòng Thị K) không phải chịu án phí DSST nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền số: 0004838, ngày 01/12/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 27/10/2022, bị đơn ông Lò Văn S kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm công nhận gia đình ông có quyền sở hữu 01 con trâu mẹ và 01 con trâu con.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thống nhất trị giá con trâu mẹ là 20.000.000 đồng, trị giá con trâu con là 2.800.000 đồng. Tổng giá trị của hai mẹ con con trâu đang tranh chấp là: 22.800.000 đồng. Ông S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông S đề nghị trong trường hợp Tòa án cấp phúc không chấp nhận kháng cáo của bị đơn thì đề nghị nguyên đơn phải thanh toán cho ông số tiền chuộc trâu là 3.600.000 đồng, tiền lãi của số tiền chuộc trâu và tiền công chăn dắt.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên:

1. Về tố tụng: Đại diện VKSND tỉnh Điện Biên nhận xét quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Đơn kháng cáo của bị đơn hợp lệ, được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Lò Văn S giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Số tiền chuộc trâu là 3.600.000 đồng, tiền lãi của số tiền chuộc trâu và tiền công chăn dắt do cấp sơ thẩm bị đơn không yêu cầu nên không có căn cứ xem xét ở cấp phúc thẩm, bị đơn có quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Lò Văn S, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp, thời hiệu, thẩm quyền giải quyết:

Ngày 29/11/2021, bà Tòng Thị K nộp đơn khởi kiện vụ án “*Tranh chấp quyền sở hữu tài sản*” đối với ông Lò Văn S và bà Lò Thị O, có địa chỉ tại Bản N, xã T1, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 không tính thời hiệu đối với các tranh chấp quyền sở hữu tài sản nên Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Thủ tục kháng cáo: Ngày 14/10/2022, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên tuyên Bản án sơ thẩm số 01/2022/DS-ST. Ông S kháng cáo, đơn kháng cáo nộp trực tiếp cho Tòa án ngày 28/10/2022, ngày 04/11/2022 nộp cho Tòa án biên lai tạm ứng án phí phúc thẩm. Theo quy định tại các Điều 271, 272, 273, 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự kháng cáo của ông S là hợp lệ được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn: Ngày 27/10/2021, bị đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm số: 01/2022/DS-ST ngày 14/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên, với lý do Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không công bằng, một số người làm chứng vắng mặt không có lý do, người làm chứng có mặt lại là chị gái của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử cho gia đình bị đơn được quyền sở hữu mẹ con con trâu đang tranh chấp. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Qua lời khai của các đương sự và người làm chứng thể hiện vào cuối tháng 7 đầu tháng 8 năm 2021 gia đình ông T, bà K và gia đình bà O, ông S đều bị mất 01 con trâu cái đang chữa.

Ông T, bà K cho rằng con trâu đang tranh chấp là gia đình ông bà mua của anh Lò Văn H1 (B) ở bản M, xã T1, huyện Đ với giá 23.000.000 đồng vào năm

2019, thời điểm mua con trâu khoảng 3,5 tuổi. Đặc điểm con trâu: Màu đen, có 2 vạch viền màu trắng dưới cổ và ngực, hai nốt chấm trắng ở hai bên má, từ lúc mua đến lúc bị mất gia đình chưa đánh dấu và cắt tai. Lời khai của ông T và bà K về thời gian mua trâu, tuổi và đặc điểm của con trâu phù hợp với lời khai của anh Lò Văn H1 (BL 36, 48), đến thời điểm xảy ra tranh chấp con trâu được khoảng hơn 6,5 tuổi.

Bà O và ông S cho rằng con trâu đang tranh chấp là gia đình mua của Lò Văn L vợ là Tòng Thị H3 ở bản C, xã T1, huyện Đ. Lúc mua con trâu cái đã được hơn 02 tuổi với giá tiền là 22.800.000 đồng, thời gian mua vào ngày 20/11/2015 đến thời điểm xảy ra tranh chấp con trâu được khoảng hơn 09 tuổi. Trước đó con trâu của gia đình chưa đẻ con lần nào, khi mua đã bị cắt đánh dấu phần đầu ngọn tai bên phải nhưng vết cắt hơi nông, khi đi mua trâu thì chưa có những hình răng cưa dọc theo hai bên tai của con trâu, sau khi mua về trước khi đem trâu đi thả mới dùng kéo cắt sâu thêm ở ngọn tai bên phải và cắt hình răng cưa dọc theo hai bên tai của con trâu.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành lấy lời khai của anh H1 chủ bán trâu cho ông K, bà T và H3 chủ bán trâu cho bà O, ông S những người này đều trả lời trâu mẹ của con trâu bán cho ông K, bà T và trâu mẹ của con trâu bán cho bà O, ông S đều đã bán và bị giết thịt. Tại văn bản số: 299/CCTY-KD ngày 28/9/2022 của Chi cục thú y tỉnh Điện Biên gửi Tòa án nhân dân huyện Đ có nêu “Hiện nay chưa có văn bản quy phạm pháp luật liên quan hướng dẫn việc xác định độ tuổi thông qua ngoại hình, đặc điểm trên gia súc; đồng thời chưa có phương pháp xét nghiệm vật chất di truyền trên gia súc để xác định độ tuổi của một cá thể. Độ tuổi của gia súc chỉ được xác định chính xác thông qua thời điểm gia súc sinh ra, không có phương pháp nào khác... hiện nay Viện Công nghệ sinh học và Viện Chăn nuôi chỉ có thể giám định gen xác định mối quan hệ huyết thống (mẹ-con, bố-con) trên gia súc, tuy nhiên không thực hiện được việc xác định mối quan hệ huyết thống như: Ông, bà-cháu; chị-em ruột trên gia súc” (BL 202A). Do vậy không thể thực hiện được việc giám định huyết thống và tuổi của con trâu đang tranh chấp để làm căn cứ xem xét yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn. Trong đơn trình bày của bà O khai con trâu bà mua lúc đó được 02 tuổi (BL 45), bà H3 chủ bán trâu cho bà O cũng khai nhận con trâu bán cho bà O khoảng hơn 2 tuổi do vậy Tòa án cấp sơ thẩm dựa trên cơ sở lời khai của chủ bán trâu để nhận định về tuổi trâu là phù hợp.

Về quá trình mua trâu bị đơn bà O và ông S khai không đồng nhất tại các bút lục: 45, 134-135, 204, 250-251 có bút lục thể hiện bà O cùng ông S đi mua trâu có bút lục thể hiện bà O cùng con dâu đi mua. Về việc cắt tai trâu để đánh dấu bà Tòng Thị H3 khai nhận con trâu bán cho bà O có đánh dấu bằng cách cắt một bên tai trái, còn những vết răng cưa ở hai bên tai trâu theo bà H3 không phải do đánh dấu mà do tự có (BL 143), tuy nhiên bà O lại khai nhận con trâu được cắt tai bên phải nhưng vết cắt hơi nông, khi đi mua trâu thì chưa có những hình răng cưa dọc theo hai bên tai của con trâu, sau khi mua về mới dùng kéo cắt sâu thêm ở ngọn tai bên phải và cắt hình răng cưa dọc theo hai bên tai của con trâu (BL 135). Anh Lầu A S1 (trưởng bản N3 người tham gia vào việc giao trâu cho bà O và ông S) khai nhận “Lúc trả trâu cho ông S, bà O chưa có dấu vết cắt tai” (BL 102). Tại phiên tòa

ngày 26/7/2022 anh Giàng A C1 khai nhận: “... Khoảng 18 giờ cùng ngày, tôi mới gọi điện cho Q hỏi sao anh không dắt trâu về nhà, Q trả lời là con trâu này không cắt tai không phải trâu nhà em nên không dắt trâu về. Sau đó mấy ngày thì Q gọi điện thoại cho tôi báo bố mẹ Q lên chuộc trâu bảo tôi dẫn ông bà đi, nhưng do tôi có việc đi xuống Đ nên không dẫn ông bà đi được”.

Về thời gian sinh sản của trâu bà H3 cho rằng giống trâu của nhà bà khoảng 04-05 tuổi thì bắt đầu chữa, đẻ là giống trâu bé không phải giống trâu to (BL 143), tại biên bản xác minh ngày 06/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên cán bộ thú ý xã T1, huyện Đ cho biết độ tuổi sinh sản của giống trâu địa phương khoảng từ 04-05 tuổi, đối với giống trâu đẻ muộn thì từ 06 đến 6,5 tuổi đẻ. Theo lời khai nhận của bà K, ông T và chủ bán trâu đến thời điểm xảy ra tranh chấp con trâu nhà bà K và ông T được khoảng hơn 6,5 tuổi, theo lời khai của bà O, ông S và chủ bán trâu đến thời điểm xảy ra tranh chấp con trâu của bà O và ông S được khoảng hơn 09 tuổi nên việc khai nhận của bà O và ông S về tuổi và thời gian sinh sản của con trâu đây là lần đầu là không phù hợp. Khi nhận lại trâu bà O có nói với anh Giàng A S2 và Lầu A S1 về việc con trâu mẹ đẻ được một con ở nhà rồi con này là con thứ hai (BI 159, 105) tuy nhiên bà O phủ nhận việc đã nói với anh S2 và anh S1 như vậy nên khi Tòa án tiến hành lấy mẫu giám định gen về huyết thống giữa con trâu mẹ đang tranh chấp với con trâu con đang chăn thả ở nhà ông bà S, O, nhưng bà O không đồng ý cho lấy mẫu giám định với lý do là con trâu mẹ đang tranh chấp và con trâu con gia đình bà đang nuôi ở nhà không phải là mẹ con.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên Hội đồng xét xử thấy rằng lời khai của bị đơn ông S, bà O từ quá trình mua trâu, tuổi trâu, việc đánh dấu, thời gian sinh sản của con trâu đang tranh chấp không thống nhất, không phù hợp với lời khai của những người làm chứng nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Ông S và bà O cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của bà Quàng Thị S3 là người nhà của ông T để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và bà K là không có cơ sở vì ngoài lời khai của bà T còn có các lời khai của anh Lò Văn H1, Lầu A S1, Giàng A C1... Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông S việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà K và ông T về việc yêu cầu ông S và bà O phải trả 01 con trâu cái và 01 con nghé là con của con trâu tranh chấp là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 14/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

[3]. Tại cấp phúc thẩm ông S và bà O bổ sung đề nghị trong trường hợp Tòa án cấp phúc không chấp nhận kháng cáo của họ thì đề nghị ông bà T, K phải thanh toán cho số tiền chuộc trâu là 3.600.000 đồng, tiền lãi của số tiền chuộc trâu và tiền công chăn dắt, tuy nhiên tại cấp sơ thẩm bị đơn không yêu cầu giải quyết, nên cấp phúc thẩm không có cơ sở để xem xét, bị đơn có quyền yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án bị kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án ông S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0005074 ngày 04/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Lò Văn S. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/DS-ST ngày 14/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên cụ thể như sau:

1.1. Buộc gia đình ông Lò Văn S và bà Lò Thị O phải trả lại cho bà Tòng Thị K và ông Quàng Văn T 01 con trâu cái khoảng 6,5 tuổi, có đặc điểm (Màu đen, có 2 vạch viền màu trắng dưới cổ và ngực, hai nốt chấm trắng ở hai bên má) và 01 con nghé là con của con trâu tranh chấp mới đẻ ra, có màu lông đen, trâu cái, con nghé con đẻ vào khoảng cuối tháng 8 năm 2021.

1.2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Gia đình ông Lò Văn S và bà Lò Thị O phải trả lại cho bên nguyên đơn (ông T, bà K) là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bà Tòng Thị K và ông Quàng Văn T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên thì hàng tháng ông Lò Văn S và bà Lò Thị O còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

1.3. Về án phí:

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Lò Văn S và bà Lò Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Lò Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0005074 ngày 04/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

2. Đối với yêu cầu nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn số tiền chuộc trâu là 3.600.000 đồng, tiền lãi của số tiền chuộc trâu và tiền công chăn dắt, bị đơn có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết bằng vụ án khác.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (31/3/2023).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, HCTP TAND tỉnh.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đỗ Thu Hương